

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 31/3/2022

V/v: “*Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**.

Các thẩm phán:

Ông **Nguyễn Xuân Trường**

Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Thư ký phiên toà: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà **Bùi Thị Hậu**, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử trực tuyến công khai vụ án Hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 01/2022/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022, về việc “*Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*”. Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T.

Những người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần: Ông **Bùi Hoàng Anh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐ-PT ngày 10/3/2022; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2022/TB-TA ngày 17/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Trung D**, sinh năm 1979. Có mặt.

HKTT: Số 78, Q, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1979. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn G, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- *Người kháng cáo:* Anh Phạm Trung D (Bị đơn).
- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm số 20/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Theo nguyên đơn - Anh Phạm Trung D trình bày: Do mâu thuẫn vợ chồng nên tháng 03 năm 2020, anh và chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho ly hôn. Thời điểm này, anh đang công tác trong quân ngũ và ở xa nhà (anh đóng quân tại Hải Phòng) nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc 02 con chung là cháu Phạm Thùy D1, sinh ngày 11/4/2005 và cháu Phạm Nguyễn A, sinh ngày 31/7/2014. Do vậy, anh chị đã thỏa thuận để chị M trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung. Anh có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với cháu Phạm Nguyễn A mỗi tháng 2.000.000đ, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 03 năm 2020 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Tuy nhiên hiện nay anh đã chuyển công tác về bệnh viện quân y 7 thuộc địa bàn thành phố H, anh đã có nhà riêng tại số 78, Q, phường L, thành phố H, mức thu nhập hiện nay của anh trung bình khoảng 14 đến 15 triệu đồng/1 tháng, mặt khác điều kiện học tập, sinh hoạt của các cháu tại thành phố H sẽ tốt hơn. Theo anh D, chị M hiện không có công việc ổn định, không có thu nhập, việc học tập và sinh hoạt của hai con chung hoàn toàn phụ thuộc vào ông bà ngoại. Ngoài ra anh cho rằng chị M không biết cách giáo dục đạo đức, nhân cách cho các con. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giao cháu Phạm Nguyễn A cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, anh tự nguyện không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với cháu A. Đối với cháu Phạm Thùy D1 vẫn để cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T. Trường hợp, nếu Tòa án nhân dân huyện T tiếp tục giao cháu Phạm Nguyễn A cho chị M nuôi dưỡng thì anh sẽ không cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với cháu A.

Bị đơn - chị Nguyễn Thị M trình bày: Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện T đã giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Trung D, đồng thời giao 02 con chung là cháu Phạm Thùy D1, sinh ngày 11/4/2005 và cháu Phạm Nguyễn A, sinh ngày 31/7/2014 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Hiện nay, anh D xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Cụ thể anh xin nhận nuôi cháu Phạm Nguyễn A và tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi cháu A, còn cháu Phạm Thùy D1 vẫn để cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không đồng ý, vì anh D là quân nhân công tác trong quân đội nên không thường xuyên ở nhà để có thể thường xuyên chăm sóc con. Từ khi chị sinh cháu D1 và cháu A đến nay việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con đều do một mình chị. Tháng 03 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho chị và anh D ly hôn. Tuy nhiên từ trước năm 2017 chị và anh D đã ly thân nên chị đã đưa cháu A và cháu D1 về nhà

bố mẹ đẻ chị tại thôn G, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương sinh sống. Sau khi ly hôn chị vẫn tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Hiện tại cả hai con đều phát triển tốt, học giỏi, nguyện vọng của các con đều mong muốn tiếp tục được ở với mẹ. Về điều kiện kinh tế hiện tại chị đã đi làm tại công ty TNHH Tư vấn thiết kế HD House mức thu nhập bình quân 8.000.000đ/tháng, ngoài ra chị còn làm thêm bán hàng bên ngoài nên tổng thu nhập bình quân hàng tháng của chị mỗi tháng khoảng hơn 10 triệu đồng. Về chỗ ở, hiện tại bố mẹ chị có nhà 03 tầng rộng rãi, chỉ có 03 mẹ con chị sống cùng với bố mẹ. Các anh, em của chị đã trưởng thành và làm việc tại Hà Nội, có nhà riêng. Hơn nữa các con của chị đã thích nghi với môi trường sống, học tập tại T. Hiện tại chị vẫn chưa kết hôn với ai vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T tiếp tục giao cháu Phạm Nguyễn A cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và tiếp tục đề nghị anh D cấp dưỡng tiền nuôi cháu Phạm Nguyễn A cho chị mỗi tháng 2.000.000đ, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày xét xử cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Quá trình xác minh tại Trường Tiểu học xã C và trường THPT huyện T thể hiện: Hiện tại hai cháu Phạm Thùy D1 và Phạm A đều là học sinh ngoan ngoãn và có học lực giỏi, việc quan tâm, chăm sóc, đóng góp các khoản học phí, đưa đón, họp phụ huynh cho các cháu hoàn toàn do chị M đảm nhận. Để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, tạo sự ổn định để các cháu tiếp tục học tập và phát huy năng lực của mình, nhà trường đề nghị Tòa án nhân dân huyện T tiếp tục giao cháu Phạm Nguyễn A và cháu Phạm Thùy D1 cho chị M nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi.

Quá trình xác minh tại chính quyền địa phương và vợ chồng ông Nguyễn Ngọc Q1, bà Vũ Thị M1 (bố mẹ đẻ chị M) thể hiện: Hiện tại cháu D1, cháu A đang sinh sống ổn định cùng chị Nguyễn Thị M tại thôn G, xã C, điều kiện về an ninh chính trị, điều kiện về chỗ ở tốt. Ông Q1, bà M1 xác định hiện tại ngôi nhà 03 tầng khang trang với đầy đủ các phòng học, phòng ngủ chỉ có vợ chồng ông bà và ba mẹ con chị M sinh sống, còn những người con khác của ông bà đã trưởng thành và có chỗ ở riêng, công việc của ông bà nhàn rỗi nên có thể hỗ trợ chị M đưa đón, chăm sóc các cháu. Đồng thời ông bà cũng sẽ chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà cho chị M để chị M chủ động và có điều kiện chăm sóc các con tốt hơn.

Tại biên bản xác minh với ban Tài Chính bệnh viện quân y 7 tại Hải Dương xác định mức thu nhập của anh Phạm Trung D hiện nay bình quân hàng tháng là 13.262.669đ, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc con.

Trên cơ sở đơn đề nghị của chị M, Tòa án nhân dân huyện T đã có công văn gửi đến Ngân hàng VP Bank chi nhánh Lê Thanh Nghị, thành phố H để xác minh về các khoản vay và thế chấp quyền sử dụng đất cũng như tài sản trên đất tại thửa đất số 78, Q. phường L, TP Hải Dương được ngân hàng cung cấp: Tính đến ngày 04/11/2021 anh Phạm Trung D vay vốn Ngân hàng VP bank số tiền 370.003.000đ và thế chấp quyền sử dụng đất tại số 78, Q. phường L, TP Hải Dương, thời hạn vay là 120 tháng đến ngày 06/01/2031 và lãi suất là 11%/năm.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2021/HNGĐ-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương đã căn cứ Điều 81, 82,

83 và 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Trung D về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Giao con chung cháu Phạm Nguyễn A, sinh ngày 31/7/2014, hiện đang ở với chị M cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Phạm Trung D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Phạm A cho chị M mỗi tháng 2.000.000đ, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày xét xử (29/11/2021) cho đến khi cháu Phạm Nguyễn A đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Trung D có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về án phí: Anh Phạm Trung D phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004014 ngày 13/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh Phạm Trung D phải nộp thêm 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/12/2021 anh Phạm Trung D kháng cáo toàn bộ bản án vì cho rằng chị M không đủ điều kiện nuôi con. Bên cạnh đó theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2020 anh đã phải cấp dưỡng nuôi cháu A 2.000.000đ/1 tháng, nay theo quyết định của bản án sơ thẩm anh lại phải tiếp tục cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng, như vậy tổng số tiền anh phải cấp dưỡng là 4.000.000đ/tháng là không hợp lý.

Ngày 14/12/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã ban hành quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-HNGĐ, kháng nghị bản án sơ thẩm vì cho rằng Tòa án nhân dân huyện T vi phạm trong việc áp dụng pháp luật, giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện, vi phạm trong việc tính án phí. Cụ thể:

- Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn thì chị M được nuôi cả 2 con chung. Anh D phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu A 2.000.000đ/1 tháng kể từ tháng 3/2020 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu thay đổi tiền cấp dưỡng nuôi con của anh D. Anh D cũng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nhưng Tòa án nhân dân huyện T vẫn giải quyết là vượt quá yêu cầu khởi kiện.

- Bản án sơ thẩm tuyên buộc anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu A 2.000.000đ/1 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (29/11/2021) cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi mà không đề cập đến quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2020. Như vậy, nếu bản án có hiệu lực pháp luật thì anh D phải đồng thực hiện cả 2 khoản tiền cấp dưỡng nuôi con với tổng số tiền là 4.000.000 đ/tháng (2.000.000đ theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và 2.000.000 đ theo quyết định của bản án sơ thẩm). Như vậy, thì sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh D. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn buộc anh D phải chịu 300.000 đ án phí cấp dưỡng nuôi con là không đúng. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm để giải quyết theo hướng phân tích trên.

Tại phiên tòa anh D vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương rút 1 phần kháng nghị về nội dung xác định Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con là vượt quá yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Nguyễn Thị M không nhất trí nội dung kháng cáo cũng như nội dung kháng nghị và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu về việc tuân theo pháp luật và đường lối giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận 1 phần kháng cáo của anh Phạm Trung D về việc cấp dưỡng nuôi con. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T. Sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2021/HNGĐ-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương theo hướng tuyên về phần cấp dưỡng nuôi con, buộc anh D phải cấp dưỡng nuôi cháu A 2.000.000đ/tháng theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

Anh D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của anh Phạm Trung D và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong thời hạn luật định nên kháng cáo, kháng nghị hợp lệ.

[2] Về nội dung:

2.1 Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương đã rút 1 phần kháng nghị về nội dung, xác định Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con là vượt quá yêu cầu khởi kiện. Do vậy căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng nghị này.

Xét nội dung kháng nghị thứ 2 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh D có quan điểm xin được nuôi cháu A, trường hợp Tòa án giao cháu A cho chị M nuôi dưỡng thì anh sẽ không cấp dưỡng nuôi con với chị M (BL 81, 95). Chị M có quan điểm không đồng ý để anh D nuôi con, đồng thời yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu A là 2.000.000đ/tháng. Như vậy các đương sự không thống nhất được với nhau về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con trong cùng vụ án là đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cháu A. Thực tế theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 25/QĐST- HNGĐ ngày 04/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T thì Tòa án nhân dân huyện T đã công nhận sự thỏa thuận của anh D và chị M, giao cho chị M được nuôi dưỡng 2 con chung là cháu Phạm Thùy D1 và cháu Phạm Nguyễn A, đồng thời anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu A là 2.000.000 đ/tháng. Nay, Tòa án nhân dân huyện T không chấp nhận yêu cầu thay đổi nuôi con của anh D và giữ nguyên mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng là có căn cứ. Tuy nhiên việc bản án sơ thẩm tuyên buộc anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị M mỗi tháng 2.000.000đ, kể từ thời điểm xét xử sơ thẩm sẽ dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau và khó khăn trong quá trình thi hành án. Về nội dung này Hội đồng xét xử sẽ sửa theo hướng giữ nguyên mức cấp dưỡng nuôi con chung của anh Phạm Trung D đối với cháu Phạm Nguyễn A là 2.000.000đ/tháng, theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T. Do giữ nguyên mức cấp dưỡng nuôi con theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn nên anh D không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con. Từ phân tích trên cho thấy nội dung kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ chấp nhận.

2.2 Xét nội dung kháng cáo của anh Phạm Trung D.

- Anh D kháng cáo cho rằng chị M không đủ điều kiện nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, do điều kiện công việc nên trước đây anh D phải công tác xa nhà, chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung từ nhỏ. Sau khi ly hôn chị M cũng là người tiếp tục nuôi dưỡng các con cho đến nay. Qua xác minh tại nhà trường nơi các cháu học tập cho thấy, các cháu đều ngoan ngoãn, học giỏi. Chị M

là người trực tiếp đóng góp các khoản học phí, đồng thời quan tâm và chăm sóc tốt cho các con. Xét về điều kiện kinh tế của chị M thì thấy, chị M hiện đang làm việc tại công ty TNHH tư vấn thiết kế HD House với mức thu nhập ổn định là 8.000.000 đ/tháng (Có xác nhận của công ty). Ngoài ra theo chị M trình bày chị còn có thu nhập thêm từ việc bán hàng bên ngoài nên tổng thu nhập trung bình của chị là khoảng trên 10.000.000đ/tháng, với mức thu nhập như vậy cùng với tiền anh D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng thì có căn cứ xác định chị M có đủ điều kiện về kinh tế khi được giao nuôi con.

Xem xét điều kiện về chỗ ở của chị M thì thấy, từ trước khi ly hôn chị M đã về ở cùng với bố mẹ đẻ tại thôn G, xã C, huyện T. Từ đó đến nay cuộc sống của chị M và các con vẫn ổn định. Ông Nguyễn Ngọc Q1 và bà Vũ Thị M1 là bố mẹ đẻ của chị M xác định hiện tại ông bà ở cùng với mẹ con chị M, chỗ ở khang trang, rộng rãi. Ngoài ra ông bà còn hỗ trợ chị M trong việc chăm sóc các cháu và sẽ tạo điều kiện cho chị M được quyền sử dụng nhà đất. Do vậy, có thể nói chị M hiện có đủ điều kiện về kinh tế và chỗ ở khi được giao nuôi con. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình thì việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được Tòa án giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây:

1. Cha mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con.

2. Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Thực tế, chị M là người đủ điều kiện nuôi con và không đồng ý để anh D nuôi con nên yêu cầu thay đổi nuôi con của anh D là không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm giao con Phạm Nguyễn A cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ.

- Xem xét nội dung kháng cáo thứ 2 của anh D cho rằng theo cách tuyên của Tòa án cấp sơ thẩm thì anh phải cấp dưỡng tiền nuôi con là 4.000.000đ/tháng, như vậy sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh. Hội đồng xét xử thấy nội dung kháng cáo này của anh D trùng với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T như đã được phân tích ở trên nên có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử sẽ sửa bản án về nội dung này cho phù hợp.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh D được chấp nhận một phần nên anh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Phạm Trung D, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T. Sửa bản án Hôn nhân gia

định sơ thẩm số 20/2021/HNGĐ-ST ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hải Dương như sau:

Áp dụng các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Trung D về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Giao con chung Phạm Nguyễn A, sinh ngày 31/7/2014 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Giữ nguyên mức cấp dưỡng nuôi con chung của anh Phạm Trung D đối với cháu Phạm Nguyễn A là 2.000.000đ/tháng theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 25/QĐST- HNGĐ ngày 04/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T.

Anh Phạm Trung D có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Trung D phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004014 ngày 13/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh D đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Phạm Trung D không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí phúc thẩm: Anh Phạm Trung D không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm, hoàn trả anh D 300.000 đồng án tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0004077 ngày 23/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP, Lưu Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền

(Đã ký)